

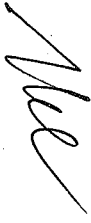
LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+VSP01+CLO+P8	7:25	4+6+4+7	0+0+0+0		4+6+0+7	0+0+0+0	
2		JS2+TD2+AMD	9:25	2+18+0	0+0+0		2+14+2	0+0+0	

TTBBSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2018	TO: RP2 - CLO - VSP01 - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG ANH TUẤN	RP2	03	1	5	20	76	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LAI	RP2	06	1	13	14	59	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC SƠN	RP2	01	1	5	20	58	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	RP2	04-05	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
5	TRUONG QUYET THANG	CLO	23	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN DONG	CLO	26	1	12	38	72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN QUANG VU	CLO	24	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VIET HUAN	CLO	25	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	CLO	27	1	13		71	DVL	Vietnamese
10	PHẠM VĂN MINH	VSP01	24	1	5		68	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	20	1	5		67	PSV	Vietnamese
12	LÊ CAO HAI	VSP01	22	1	6		65	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG BA HUNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese
14	HA THE BINH	VSP01	21	1	5		68	PSV	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	VSP01	23	1	3		64	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUY	P8	97	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG DƯƠNG	P8	96	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC	P8	94	1	12		62	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TUỆ	P8	44-45	2	10		55	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THUAN	P8	99	1	9		52	PSV	Vietnamese
21	PHẠM THANH LONG	P8	46-47	2	10		60	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN DUONG	P8	95	1	5		54	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	4	5	43	254	54	4		
2	CLO	5	5	58	363	38	0		
3	VSP01	6	5	24	407	0	6		
4	P8	7	9	62	424	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>187</b>	<b>1.448</b>	<b>92</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>187</b>	<b>1.448</b>	<b>92</b>			

GRAND TOTAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2018	TO: JS2 - TD2 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MICHAEL PATRICK	JS2	29	1	8	185	85	KHOAN	Indian
2	NGUYEN DUY THANH	JS2	28	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	TD2	69	1	10		63	YTE	Vietnamese
5	SMIRNOV V.S	TD2	58	1	7		90	KHOAN	Russian
6	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	67	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN HUẤN	TD2	60	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN DIỆP	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	29	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	71	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	75	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	73	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN THUY	TD2	72	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD2	66	1	12	80	78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	70	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VINH PHÚ	TD2	62	1	3		75	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BẢO	TD2	61	1	6		65	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	2	2	13	165	185	2		THAO 01 GHE-DOI CHO HANG
2	TD2	18	15	91	1.305	80	14		
3	AMD	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>17</b>	<b>104</b>	<b>1.470</b>	<b>265</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>104</b>	<b>1.470</b>	<b>265</b>			

GRAND TOTAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P8+P9	7:25	16+5+1	0+0+0		6+5+11	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P8-P9
2		TD3+ClO+BK15	7:25	10+12+0	0+0+0		10+9+1	0+0+0	
3		TD1+P4	7:25	13+9+0	0+0+0		12+9+1	0+0+0	
4		PPD	9:25	22	0		22	0	
5		RP3+RP1+RC5	9:25	16+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RP3-RP1
6		PVD2+BK6+TD5	9:25	12+0+10	0+0+0		0+1+13	0+0+0	
7		TTC2-P3+TD3	11:25	13+9	0+0		0+17	0+0	
8		PPD+P4	11:25	16+5	0+0		8+14	0+0	

TTBDSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2018	TO: TD5 - P8 - P9	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - Năm - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	89	1	5	20	84	KHOAN	Russian
2	LUU VAN PHONG	TD5	86	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET THANG	TD5	95	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG XUAN THI	TD5	96	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN HUONG	TD5	93	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐAO QUANG MINH	TD5	94	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN TRUC TUYEN	TD5	81	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NGOC LINH	TD5	92	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
9	NGO QUOC BAO	TD5	91	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAT THANH	TD5	85	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
11	HÓ VAN TIEN	TD5	83	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN SY LE	TD5	82	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH CONG	TD5	84	1	2		86	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TAN BINH	TD5	88	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	87	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO VINH CUONG	TD5	90	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
17	LE CONG NAM	P8	68-69	2	12	25	70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO VAN TUAN	P8	50,64	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
19	THAN VAN TY	P8	25	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN LONG	P8	66-67	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN DANH LUAT	P8	70	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN ĐANG BIEN	P9	84	1	2	35	71	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	16	76	1.129	20	6		CHUYEN 1 PAX TU P8 SANG P9
2	P8	5	8	68	364	25	5		
3	P9	1	1	2	71	35	11		
TOTAL		22	25	146	1.564	80	22		
WEIGHT KG				146	1.564	80			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Jan-18	TO: TD3 - CLO - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hoi - Linh - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NIKOLAYEV G.M	TD3	42	1	13		76	KHOAN	Russian
2	LE TRONG TUYEN	TD3	39	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VIET HUNG	TD3	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THANH	TD3	38	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN NGHIA	TD3	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	LE SY HUNG	TD3	41	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN SON HAI	TD3	36	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN KHUONG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC LUAN	CLO	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN TRUNG	CLO	37	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY NAM	CLO	34	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	CLO	31	1	5	20	74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LY	CLO	35	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐUỐC	CLO	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	32	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN QUANG HUY	CLO	33	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
19	ĐO THANH LIEM	CLO	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MANH CUONG	CLO	38	1	10		52	KHOAN	Vietnamese
21	LE MINH HOANG	CLO	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TIEN	CLO	30	1	10		88	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	8	44	713	40	10		
2	CLO	12	12	75	860	20	9		
3	BK15	0	0	0	0	40	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>119</b>	<b>1.573</b>	<b>100</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>119</b>	<b>1.573</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2018	TO: TD1 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Bằng - MTHẮNG - dũng - THAO	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIKHALICHENKO S.IA	TD1	32	1	5		104	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	26	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM NGOC DUNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
4	TRUONG HOANG KHANH	TD1	33	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH THUY	TD1	30	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LANG	TD1	28	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC QUANG	TD1	35	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH XUAN HOA	TD1	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN NGUYEN	TD1	29	1	3	70	55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH SON	TD1	31	1	4	45	72	KHOAN	Vietnamese
11	VU MANH HAI	TD1	25	1	2		81	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN NINH	TD1	27	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	BUI BACH DUONG	TD1	36-37	2	18		70	DVL	Vietnamese
14	HA QUOC VIET	P4	35	1	2		60	KHI	Vietnamese
15	SUDAKOV A.A	P4	300	1	12		117	KHI	Russian
16	PHAM VAN QUYEN	P4	39	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	LE VAN HUONG	P4	43	1	5		69	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN BACH DUONG	P4	38	1	5	40	72	KHI	Vietnamese
19	TRAN DUY KHUONG	P4	42	1	5		85	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN DINH CU	P4	34	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN CHIEN CONG	P4	37	1	2		72	KHI	Vietnamese
22	GIANG THANH TUNG	P4	36	1	6		88	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	13	61	920	115	12		
2	P4	9	9	48	703	40	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>109</b>	<b>1.623</b>	<b>155</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>109</b>	<b>1.623</b>	<b>155</b>			

GRAND TOTAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Jan-18	TO: PVD2 - BK6 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Bằng - MTHĂNG - Dũng -	ETA: 11:20
VANG-2		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HOANG	PVD2	98	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM NGOC CHAU	PVD2	99-100	2	18		62	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN HUYEN	PVD2	42-43	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN THANH	PVD2	41	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN QUANG UT	PVD2	72-73	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
6	TONG VAN THE	PVD2	76-77	2	18		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE TRA	PVD2	74-75	2	20		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN THAI	PVD2	78-79	2	20		79	KHOAN	Vietnamese
9	TA KIM HAI	PVD2	82	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH PHONG	PVD2	85-86	2	12		52	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM QUOC MINH	PVD2	80-81	2	13		82	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN THO	PVD2	83-84	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO NGUYEN DU MẠC	TD5	900	1	11		58	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH VAN NHAN	TD5	95-96	2	14		72	NHA THAU	Vietnamese
15	ĐINH CHI THAM	TD5	93	1	8		66	NHA THAU	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC MẠNH	TD5	92	1	12		60	NHA THAU	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	99	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
18	VU NGOC TIEN	TD5	35-36	2	15		72	DVL	Vietnamese
19	LUONG NGOC HOANG	TD5	98	1	7		72	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ THANH HAI	TD5	33-34	2	20		65	DVL	Vietnamese
21	MESHKOV M.Y	TD5	94	1	12		70	DVL	Russian
22	TRẦN VIỆT HỒ	TD5	32	1	15		69	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	12	21	184	820	0	1		
2	BK6	0	0	0	0	12	1		
3	TD5	10	13	117	667	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>34</b>	<b>301</b>	<b>1.487</b>	<b>12</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>301</b>	<b>1.487</b>	<b>12</b>			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2018	TO: RP3 - RP1 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRỌNG TÂM	RP3	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TAN	RP3					63	KHI	Vietnamese
3	DINH HOAI DUC	RP3	35	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	36	1	7		60	KHI	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	43	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN CHINH THI	RP3	42	1	10		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRỌNG TUAN	RP3				35	85	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY DUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CU	RP3	44	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	39-41	3	17		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TAT THANH	RP3	38	1	7		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	34	1	4		62	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	RP3	47	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	HA VAN NIEM	RP3	46	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	HOANG NGOC HOA	RP3	45	1	5		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	14	80	1.110	35	16	2	CHUYEN 2 PAX RP3 SANG RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0		
3	RC5	0	0	0	0	30	6		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>14</b>	<b>80</b>	<b>1.110</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>80</b>	<b>1.110</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

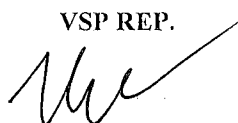
DATE: 19/01/2018	TO: PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - Năm - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	90	1	5	90	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM QUANG NAM	PPD	89	1	5		78	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN MINH VIEN	PPD	78	1	10		70	KHI	Vietnamese
4	KHARITONOV YURY	PPD	44	1	5		75	KHI	Russian
5	BERNIHKOV V.N	PPD	76	1	7		110	KHI	Russian
6	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	88	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	BUI THANH HAI	PPD	86-87	2	5		61	KHI	Vietnamese
8	PHUNG QUANG THANG	PPD	83	1	5		77	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN DUNG	PPD					68	KHI	Vietnamese
10	VÔ TÀ QUANG	PPD	79	1	5		72	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ MINH ĐỨC	PPD	85	1	5		80	KHI	Vietnamese
12	VÔ ĐƠN LONG	PPD	82	1	8		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HAO	PPD	41	1	10		73	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	80	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HA NIN	PPD	92	1	7	67	75	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN MUNG	PPD	77	1	5		77	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH SON	PPD	42	1	4		50	KHI	Vietnamese
18	LE MINH PHUNG	PPD					82	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	91	1	2		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN DINH HUY	PPD	43	1	3		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HA	PPD	84	1	3		59	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	81	1	6		50	KHI	Vietnamese

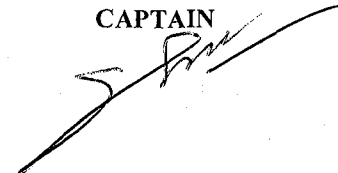
## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	PPD	22	21	110	1.567	157	22	
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>110</b>	<b>1.567</b>	<b>157</b>	<b>22</b>	
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>110</b>	<b>1.567</b>	<b>157</b>		

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.  


VNH REP.  


CAPTAIN  




# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Jan-18	TO: TTC2 - P3 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LBình - MMinh - Năm - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI XUÂN THANH	P3	67	1	5		65	PVC-PT	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÚ	P3	64	1	9		55	PVC-PT	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TOÀN	P3	69	1	7		76	PVC-PT	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN BÌNH	P3	70	1	7		64	PVC-PT	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN THANH	P3	68	1	11		69	PVC-PT	Vietnamese
6	LÊ TIẾN THUẬT	P3	66	1	12		70	PVC-PT	Vietnamese
7	LÊ VĂN NGŨ	P3	65	1	10		65	PVC-PT	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NHIỀU	P3	63	1	10		65	PVC-PT	Vietnamese
9	LÊ XUÂN TUNG	TD3	50	1	7	15	63	ANTOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HOÀI THANH	TD3	54	1	6		73	DVL	Vietnamese
11	VÔ HỮU TẤN	TD3	55	1	5		78	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HOÀN	TD3	51	1	11		80	DVL	Vietnamese
13	LÊ VĂN THẮNG	TD3	52	1	10		67	DVL	Vietnamese
14	MAI VĂN DƯƠNG	TD3	49	1	10		79	DVL	Vietnamese
15	VŨ VĂN NAM	TD3	53	1	12		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤN NHÂN	TD3	46	1	16		85	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TD3	47-48	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	0	1		
2	P3	8	8	71	529	0	1		
3	TD3	9	10	92	645	15	17		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>18</b>	<b>163</b>	<b>1.174</b>	<b>15</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>163</b>	<b>1.174</b>	<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.352 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2018	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hôi - CHIÊN - THỤ	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN VU	PPD	97-98	2	10		78	KHI	Vietnamese
2	TRAN DOAN HUONG	PPD					79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG SON	PPD	99,100	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAU HUY HOANG	PPD	93-94	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN AN	PPD	600	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HOANG	PPD					60	NHONTRAC	Vietnamese
7	LE VAN NHIEU	PPD	87	1	5		50	NHONTRAC	Vietnamese
8	VU VAN NHAT	PPD					65	NHONTRAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THO	PPD	83	1	10		60	NHONTRAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	PPD	84-85	2	15	130	63	NHONTRAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG SAN	PPD	82	1	12		50	NHONTRAC	Vietnamese
12	HUYNH THANH HIEN	PPD	81	1	10		55	NHONTRAC	Russian
13	LUU VAN BINH	PPD	86	1	5		70	NHONTRAC	Russian
14	HOANG THAI DUONG	P4					74	KHI	Vietnamese
15	HOANG HUY TIEN	P4	41	1	3	30	55	KHI	Vietnamese
16	LE NGOC KY	P4	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	PANOV	P4	75	1	7		90	NIPI	Russian
18	SVIATOKHO	P4	76	1	5		82	NIPI	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	14	94	824	130	9		
2	P4	5	4	20	371	30	13		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>18</b>	<b>114</b>	<b>1.195</b>	<b>160</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>114</b>	<b>1.195</b>	<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	427	TD3	7:25	21	0		22	0	
2	427	TD5	9:25	22	0		22	0	

TTBBSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
6 PSV TD5 ĐỔI CA QUA TD3



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Jan-18	TO: TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - KHOAN - N Nam	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE MANH THANG	TD5	46	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
2	LE THANH LAM	TD5					65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN CHINH	TD5	50	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN ĐONG	TD5	48	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
5	HO HOAN KIEM	TD5	44	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN TAI	TD5	38	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	BAO NGUYEN LOC	TD5	49	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUYET TIEN	TD5	43	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN BA HOA	TD5	42	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY KHANH	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH ANH TRUONG	TD5	52	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NHAT QUANG	TD5	39	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
13	LE VU NGOC	TD5	45	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG KY	TD5	56-57	2	10		65	NHA THAU	Vietnamese
15	ĐINH VIET DUNG	TD5	55	1	3		55	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN DANG NAM	TD5	51	1	4		64	PSV	Vietnamese
17	PHI TRUONG SON	TD5	54	1	3		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG THANG	TD5	41	1	3		84	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN LUONG SON	TD5	40	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HAI TRUNG	TD5	53	1	5		50	PSV	Vietnamese
21	VU DINH HOI	TD5	47	1	5		82	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	20	95	1.424	0	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>21</b>	<b>20</b>	<b>95</b>	<b>1.424</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>95</b>	<b>1.424</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Jan-18	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - KHOAN - Nnam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HẠN	TD3	11	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	15	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	18	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	TD3	16-17	2	10		78	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN KHOA	TD3	14	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	13	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH HẢI	TD3	01	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3					100	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	12	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	LAM VĂN HẠNH	TD3	03	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN LỘC	TD3	05	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUYNH TRUNG	TD3	04	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	02	1	9		68	DVL	Vietnamese
16	HỒ VĂN ANH	TD3	08	1	3		78	PSV	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC THUAN	TD3	19	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	VŨ QUỐC VIỆT	TD3	09-10	2	11		60	PSV	Vietnamese
19	ĐINH VĂN HOÀI	TD3	06	1	5		63	PSV	Vietnamese
20	ĐINH VĂN THẮNG	TD3	07	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD3	22	1	7		55	PSV	Vietnamese
22	PHẠM THE TAM	TD3	20-21	2	13		75	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	22	113	1.578	0	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>113</b>	<b>1.578</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>113</b>	<b>1.578</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐD/TT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/01/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GT1+RP2+RCDM	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
2		TD2+CLO+P7	7:25	19+2+0	0+0+0		15+5+1	0+0+0	
3		TD1+RP2+MRM	9:25	8+3+2	0+0+0		0+4+0	0+0+0	

TTPDSX







# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/01/2018	TO: GTC1 - RP2 - RCDM	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Bằng - MTHẮNG - dũng - THẢO	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNINA.V	RP2	30	1	15		105	KHOAN	Russian
2	SADOVNIKOV A.D	RP2	21-22	2	12		122	KHOAN	Russian
3	PHAM VAN LAM	RP2	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MANH TINH	RP2	11	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN DOANH	RP2	12	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUY THAI	RP2	17	1	5	22	70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MINH HIEU	RP2	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN HUNG	RP2	26	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NHAM ĐỨC QUANG	RP2	18-19	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUOC TUAN	RP2					65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CHAN	RP2					60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	14	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGAN	RP2	20	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM QUANG ANH	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
15	NGO HONG GIANG	RP2	24	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
16	PHUNG HA TAI	RP2	28-29	2	13		103	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THANH BINH	RP2	13	1	8		87	ANTOAN	Vietnamese
18	DUONG TRUNG KIEN	RP2	27	1	8		60	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG SON	RP2	10	1	7		68	DVL	Vietnamese
20	VU HOANG QUAN	RP2	25	1	3	55	60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	0	0	0	0	0	1		
2	RP2	20	20	120	1.480	77	20		
3	RCDM	0	0	0	0	30	1		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>120</b>	<b>1.480</b>	<b>107</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>120</b>	<b>1.480</b>	<b>107</b>			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Jan-18	TO: TD2 - CLO - P7	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HỒI - TUYỀN - HIẾU	ETA: 09:10
Xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	81	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
2	GARMADAN IA.D	TD2	91	1	5		87	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	86	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	83	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIỆN	TD2	87	1	3	10	77	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	90	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	89	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THĂNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	82	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ MINH HẢI	TD2	89	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ QUANG	TD2	92	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	TD2	40	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD2	93	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA CUƠNG	TD2	94-95	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH ANH DŨNG	TD2	80	1	7		71	GETRACO	Vietnamese
18	ĐÌNH EM	TD2	84	1	4		67	GETRACO	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	88	1	8		53	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾN	CLO	44	1	4	54	71	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	45	1	4		63	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	99	1,369	10	15		
2	CLO	2	2	8	134	54	5		
3	P7	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>20</b>	<b>107</b>	<b>1,503</b>	<b>64</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>107</b>	<b>1,503</b>	<b>64</b>			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Jan-18	TO: TD1 - RP2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HỒI - TUYỀN - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HẢI	TD1	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN ANH	TD1					83	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD1					68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TD1					82	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN GIANG	TD1					80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUẤN	TD1					80	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ANH TUẤN	TD1					66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1					99	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO DUY LŨNG	RP2	35	1	5		63	GETRACO	Vietnamese
10	VŨ VIỆT SƠN	RP2	34	1	6		58	GETRACO	Vietnamese
11	PHAN MẠNH LINH	RP2	36	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC THÈ	RP2	37-38	2	17		58	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẠO THÈ VŨ	MRM	17-18	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	SEREBROV IGOR	MRM	19	1	10		82	VTB	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	1	5	625	0	0		
2	RP2	4	5	33	244	0	6		
3	MRM	2	3	20	157	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>9</b>	<b>58</b>	<b>1.026</b>	<b>0</b>	<b>6</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>58</b>	<b>1.026</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.084 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN